

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hòa, bà Võ Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Quyết Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2020 tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 98/2020/TLST-HS ngày 20/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2020/QĐXXST-HS ngày 03/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐ-HPT ngày 16/11/2020 đối với các bị cáo:

1. H V N - sinh năm 1987 tại tỉnh L S; nơi cư trú: Thôn X, xã C Y, huyện E , tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H V C (chết) và bà N T S (chết); bị cáo có vợ là H T H, sinh năm 1988 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/8/2019 đến ngày 04/4/2020. Hiện đang được tại ngoại, có mặt.

2. P V H - sinh năm 1993 tại tỉnh L S; nơi cư trú: Thôn X, xã C Y, huyện E , tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ph V K, sinh năm 1972 và bà H C, sinh năm 1971; bị cáo có vợ là Nông Thị Hanh, sinh năm 1997 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/8/2019 đến ngày 04/4/2020. Hiện đang được tại ngoại, có mặt.

3. H V N - sinh năm 1984 tại tỉnh L S; nơi cư trú: Thôn X, xã C Y, huyện E , tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H V B,

sinh năm 1955 và bà N T , sinh năm 1956; bị cáo có vợ là L T C, sinh năm 1984 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/8/2019 đến ngày 04/4/2020. Hiện đang được tại ngoại, có mặt.

4. N V N - sinh năm 1984 tại tỉnh L S; nơi cư trú: Thôn X, xã C Y, huyện E , tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N K (chết) và bà C, sinh năm 1954; bị cáo có vợ là Ph T Th, sinh năm 1987 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/8/2019 đến ngày 04/4/2020. Hiện đang được tại ngoại, có mặt.

5. H V L - sinh năm 1980 tại tỉnh L S; nơi cư trú: Thôn X, xã C Y, huyện E , tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H V Đ (chết) và bà H sinh năm 1944; bị cáo có vợ là N T M, sinh năm 1982 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/12/2019 đến ngày 04/4/2020. Hiện đang được tại ngoại, có mặt.

** Người bào chữa cho các bị cáo H V N, P V H:* Ông Ng Đ K – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: Số 39 Lý Thường Kiệt, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

** Người bào chữa cho các bị cáo H V N, N V N:* Ông Nguyễn Đ Đ – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: Số 39 Lý Thường Kiệt, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo H V L:* Luật sư Đ Tn – Công ty Luật TNHH MTV Đặng Gia. Địa chỉ: Số 132 Ama Khê, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

** Nguyên đơn dân sự:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp E . Địa chỉ: thị trấn E , huyện E , tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện: Ông Trần L Tr, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Công ty, có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông N T T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn 12, xã Ea Păl, huyện E , tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Ông L V T, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn 14, xã Ea Păl, huyện E , tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Ông N V X, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn 12, xã C Y, huyện E , tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông L Văn Đ, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn X, xã C Y, huyện E , tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

5. Ông H V Đ, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn X, xã C Y, huyện E , tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

6. Ông H Văn V, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn X, xã C Y, huyện E , tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

7. Bà H T H (vợ bị cáo H V N), sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn X, xã C Y, huyện E , tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Bà N T S, địa chỉ: Thôn X, xã C Y, huyện E , tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 18/8/2019 tổ công tác của Công an huyện E và Công an tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang các bị cáo: H V N (sinh năm 1987), P V H (sinh năm 1993), H V N (sinh năm 1984) và N V N (sinh năm 1984 - đều trú tại thôn 15, xã C Y, huyện E , tỉnh Đắk Lắk) đang thực hiện hành vi khai thác lâm sản (gỗ) trái phép tại tiểu khu 692 – là lâm phần trách nhiệm quản lý của Phân trường 1 Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp E (sau đây gọi là Công ty Lâm nghiệp E), thuộc địa giới hành chính xã C Y, huyện E , tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo khai nhận: Khoảng đầu tháng 7/2019 các bị cáo được L V T (sinh năm 1964, trú tại thôn 14, xã Ea Pal, huyện E) và N T T (sinh năm 1968, trú tại thôn 12, xã Ea Pal, huyện E) thuê đi khai thác gỗ tại khu vực rừng tiểu khu 692 - thường gọi là Đồi Xanh nói trên. Các bên thỏa thuận giá công 3.500.000 đồng/m³ gỗ xẻ hộp theo quy cách mà 02 đối tượng nói trên đưa ra, dùng trâu kéo đến bìa rừng, bốc lên xe, nhận hàng xong thanh toán tiền. Đầu tiên, 02 bị cáo H V N, P V H đồng ý với thỏa thuận, mỗi bị cáo được 02 đối tượng này giao 01 cửa lóc, 01 lam cửa lóc, 01 sợi xích (sợi sên) cửa lóc và 1.000.000 đồng để mua xăng, dầu. Sau đó 02 bị cáo này rủ thêm 03 bị cáo H V N, N V N và H V L cùng đi khai thác gỗ. Tất cả 03 bị cáo này đều đồng ý.

Sau khi nhận dụng cụ và tiền, hằng ngày từ 07 giờ đến 17 giờ tất cả các bị cáo đến khu vực tiểu khu 692 để cùng nhau khai thác gỗ. Trong khoảng thời gian đầu tháng 7/2019 đến ngày 18/8/2019 các bị cáo đã cắt hạ được 06 cây gỗ (riêng bị cáo H V L cắt hạ 05 cây gỗ) xẻ thành 04 bộ bàn ghế dạng 03 tấm. Bàn: dài 3,2m, dày 20cm, rộng 60-70cm, ghế: dài 3,2m, dày 20cm, rộng 40cm theo quy cách mà Tuyên và Thắng đã đặt hàng. Sau đó dùng trâu của nhà bị cáo H V

N và H V N kéo ra bìa rừng tập kết để giao cho 02 đối tượng nói trên, mỗi người 02 bộ.

Khi 02 đối tượng nói trên đưa xe ô tô tải (không rõ biển số, đặc điểm xe) vào bốc gỗ vào ban đêm khoảng từ 23 giờ hôm trước đến khoảng 01 giờ sáng hôm sau thì bị cáo H V N đã thuê L (sinh năm 1993), H (sinh năm 1994) và H (sinh năm 1991) đều trú tại thôn 15, xã C Y, huyện E đến bốc gỗ lên xe. Sau khi gỗ bốc xong, bị cáo H V N trả tiền công 100.000 đồng/1 người, riêng H V Đ bốc 02 lần nên tiền công nhận là 300.000 đồng.

Khi nhận được gỗ, N T T đã đưa cho bị cáo P V H 8.000.000 đồng, L V T đưa cho bị cáo H V N 8.000.000 đồng, sau đó chia nhau, mỗi bị cáo 3.000.000 đồng. Riêng bị cáo H V N và H V N mỗi bị cáo được chia thêm 500.000 đồng vì có trâu kéo gỗ. Đến ngày 18/8/2019 bị cáo H V L có công việc gia đình nên chỉ có 04 bị cáo còn lại tham gia khai thác gỗ. Khi các bị cáo này đang cắt hạ 01 cây gỗ thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Khám nghiệm hiện trường ngày 19/8/2019 phát hiện 06 gốc cây gỗ bị khai thác trái phép và các lóng gỗ tròn, gỗ xẻ tại hiện trường là do các bị cáo thực hiện.

Kết luận giám định ngày 27/8/2019 kết luận: Tổng khối lượng của 06 cây gỗ còn lại hiện trường và 03 hộp gỗ xẻ phát hiện tại hiện trường được quy tròn là 27.584m³. Loại gỗ bị khai thác từ nhóm IV đến nhóm VIII, vị trí khai thác lô 6c1, 6a1a, 3 khoảnh 5 tiểu khu 692, lâm phần của Phân trường 1 do Công ty Lâm nghiệp E quản lý, thuộc địa giới hành chính xã C Y, huyện E. Xác định loại rừng: Rừng tự nhiên chức năng phòng hộ.

Kết luận định giá tài sản số 37/2019/KL-HĐ992 ngày 10/9/2019 kết luận: Tổng giá trị của tài sản cần định giá là 91.828.400 đồng (Chín mươi một triệu tám trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm đồng). Đối với cây gỗ số 05 (Tọa độ: X 0520181, Y 1399717) không có sự tham gia khai thác của bị cáo H V L, có khối lượng quy tròn là 2,174m³ được định giá là 6.087.200 đồng (sáu triệu không trăm tám mươi bảy ngàn hai trăm đồng).

Như vậy các bị cáo: H V N, P V H, H V N và N V N đã có hành vi vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản với số lượng 06 cây gỗ được quy tròn là 27,584m³ từ nhóm IV đến nhóm VIII thuộc rừng tự nhiên chức năng phòng hộ, có giá trị 91.828.400 đồng (Chín mươi một triệu tám trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm đồng) và H V L đã có hành vi vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản là 05 cây gỗ được quy tròn là 25.41m³ từ nhóm IV đến nhóm VIII thuộc rừng tự nhiên chức năng phòng hộ, có giá trị 85.741.200 đồng (tám mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi một ngàn hai trăm đồng).

Mở rộng khám nghiệm hiện trường: Tại các biên bản khám nghiệm hiện trường từ ngày 22/8 đến ngày 24/8/2019; từ ngày 10/9 đến ngày 12/9/2019; từ

ngày 30/9 đến ngày 01/10/2019, ngày 08/11/2019 Công an tỉnh phát hiện có nhiều vị trí rừng bị khai thác trái phép tại xã C Y, huyện E có khối lượng gỗ bị khai thác trái phép là 268,505m³ gỗ các loại quy tròn từ Nhóm II - VIII (thuộc rừng tự nhiên chức năng Phòng hộ và rừng tự nhiên chức năng Sản xuất). Tổng khối lượng gỗ bị khai thác trái phép tại Tiểu khu 692, 686 lâm phần của Phân trường 1 do Công ty Lâm nghiệp E quản lý, thuộc địa giới quản lý hành chính xã C Y, huyện E là: $(27,584 + 268,505\text{m})\text{m}^3 = 296,089 \text{ m}^3$. Tổng giá trị tài sản được định giá là 1.167.326.400 đồng.

Tiểu khu 692, 686 là lâm phần do Phân trường 1 Công ty Lâm nghiệp E quản lý. Ngày 09/01/2020 Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định khởi tố đối với 01 số đối tượng có trách nhiệm công tác tại Công ty Lâm nghiệp E về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” quy định tại khoản 2 Điều 360 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do thời hạn điều tra bổ sung vụ án đã hết nên Công an tỉnh Đắk Lắk đã có Quyết định tách vụ án hình sự số 2092 ngày 01/9/2020 để tiếp tục điều tra làm rõ hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng đối với các đối tượng có trách nhiệm công tác tại Công ty Lâm nghiệp E để xử lý theo quy định của pháp luật.

* ***Vật chứng thu giữ theo biên bản phạm tội quả tang:*** 01 cửa lóc nhãn hiệu STIHL MS381 màu cam trắng đời máy 2014 (đã qua sử dụng); 01 cửa lóc nhãn hiệu STIHL MS381 màu cam trắng đời máy 2011 (đã qua sử dụng); 02 lam cửa lóc bằng kim loại màu đen; 02 sợi xích (sợi sên) cửa lóc; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model TA114 (đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong) của H V N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model TA1010 (đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong) của P V H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model TA1034 (đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong) của H V N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen, model Oppo R1007 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu hồng modelvSM G532G/DS (đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong) của N V N;

Khám xét khẩn cấp tại nơi ở của N T T, thu giữ: 04 quyển vở học sinh có chữ ký của ông Tuyền ở tất cả các trang (không mô tả chi tiết nội dung bên trong); 01 tờ giấy học sinh kẻ ô ly có chữ ký của ông N T T; 01 quyển sổ màu đỏ, giấy kẻ ngang có chữ ký của ông N T T ở tất cả các trang (không mô tả chi tiết nội dung bên trong) không có giá trị sử dụng.

Số lượng 27,584 m³ gỗ các loại quy tròn từ Nhóm IV - VIII, theo Kết luận giám định ngày 27/8/2019 và Biên bản xác định tình trạng vật chứng vụ án và cửa gỗ để đưa về bảo quản do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E lập ngày 11/9/2019 (có lí lịch gỗ kèm theo) đã được Công an huyện E chuyển về Công ty Lâm nghiệp E phối hợp quản lý, bảo quản. Ngày 03/4/2020 Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 1112 trả lại cho chủ sở hữu là Công ty Lâm nghiệp E nhận quản lý.

Tại Cáo trạng số 89/CT-VKST-P3 ngày 09/09/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo H V N, P V H, H V N, N V N và H V L, về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng và lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng số 89/CT-VKST-P3 ngày 09/09/2020. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo H V N, P V H, H V N, N V N và H V L phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo **H V N** từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

+Xử phạt bị cáo **P V H** từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

+ Xử phạt bị cáo **H V N** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

+ Xử phạt bị cáo **N V N** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo **H V L** từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Ngoài ra, các bị cáo phải chấp hành thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc các bị cáo H V N, P V H, H V N, N V N và H V L tự nguyện bồi thường cho Công ty Lâm nghiệp E số tiền 91.828.400 đồng là giá trị thiệt hại về lâm sản của 27,584 m³.

Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 16.000.000 đồng mà các bị cáo phạm tội mà có. Trong đó: Các bị cáo H V N và H V N mỗi người 3.500.000 đồng; bị cáo N V N, P V H và H V L mỗi người 3.000.000 đồng. Các bị cáo đã nộp đủ số tiền nêu trên tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Về xử lý vật chứng như nội dung cáo trạng đã nêu.

** Người bào chữa cho các bị cáo H V N, P V H – Ông Ngô Đình Khôi trình bày:* Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, các bị cáo H V N, P V H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên đề nghị HĐXX áp dụng thêm Điều 54, Điều 65 BLHS để xử dưới khung, cho các bị cáo được hưởng án treo và miễn án phí cho các.

** Người bào chữa cho các bị cáo H V N, N V N – Ông Nguyễn Đình Đạt trình bày:* Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo H V N, P V H. Ngoài ra, đề nghị HĐXX áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, m khoản 1 Điều 51 BLHS và áp dụng thêm Điều 54, Điều 65 BLHS để xử dưới khung và cho các bị cáo được hưởng án treo, đồng thời miễn án phí cho các bị cáo.

** Người bào chữa cho các bị cáo H V L – Ông Đặng Tiến trình bày:* Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk về tội danh và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H V L. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, v, t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65 BLHS để xử dưới khung hình phạt, cho bị cáo Lầm được hưởng án treo và miễn án phí cho bị cáo.

Các bị cáo nhất trí với phần tranh luận của người bào chữa và không tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Các bên tranh luận đối đáp với nhau và giữ nguyên quan điểm đã nêu trên.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời

khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận:

Do ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ tư lợi cá nhân nên trong khoảng thời gian đầu tháng 8/2019 đến ngày 18/8/2019 H V N, P V H, H V N, N V N và H V L đã có hành vi khai thác rừng trái phép, cắt hạ 06 cây gỗ được quy tròn là 27,584m³ từ nhóm IV đến nhóm VIII (giá trị lâm sản bị thiệt hại là 91.828.400 đồng) là rừng tự nhiên chức năng phòng hộ thuộc tại tiểu khu 692, Lâm phần của Phân trường 1 do Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp E quản lý, thuộc địa giới hành chính xã C Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Trong đó: H V L tham gia cắt hạ trái phép 05 cây gỗ được quy tròn là 25.41m³, có giá trị 85.741.200 đồng).

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo H V N, P V H, H V N, N V N và H V L về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 232 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

d) Khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng tự nhiên từ 15 mét khối (m³) đến dưới 30 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường ...”;

Xét thấy, tính chất vụ án do các bị cáo gây ra là nghiêm trọng, không những xâm phạm trực tiếp đến quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng và lâm sản mà còn xâm phạm đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Các bị cáo đều là những người có đầy đủ khả năng để nhận thức được việc khai thác lâm sản thuộc rừng tự nhiên có chức năng phòng hộ phải được sự cho phép của Cơ quan có thẩm quyền, mọi hành vi khai thác lâm sản trái phép đều bị xử lý. Song, với ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ vụ lợi nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Trong vụ án có nhiều bị cáo tham gia, vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội khác nhau nên cần phân hóa để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp:

Đối với bị cáo H V N: Trong vụ án bị cáo là người có vai trò tích cực nhất, khởi xướng việc thực hiện hành vi phạm tội. Khi được thuê đi cưa gỗ trong rừng thì bị cáo đã đồng ý, sau đó bàn bạc với P V H rồi trực tiếp rủ H V L cùng tham

gia. Bị cáo là người phân công nhiệm vụ cho những người còn lại, phát dọn xung quanh gốc cây, hỗ trợ cho H V N và Ngô Văn Nam cưa gỗ, rồi sử dụng trâu (của bà Nông Thị Sế - Mẹ của bị cáo) để kéo gỗ ra khỏi rừng. Là người trực tiếp giao dịch với L V T và nhận công cụ, phương tiện, tiền công từ Thắng và phân chia tiền công cho những người còn lại. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc và cao hơn các bị cáo khác.

Bị cáo P V H: Cũng trực tiếp giao dịch, nhận các công cụ, phương tiện và tiền công từ N T T. Là người rủ H V N và N V N tham gia cùng thực hiện hành vi phạm tội. Khi vào rừng cưa gỗ trái phép, bị cáo đã dùng dao phát cây mở đường đi, phát dọn xung quanh cây gỗ, đi mua dừa và đồ ăn để nấu ăn. Sau khi nhận tiền công từ Tuyền, bị cáo là người chia tiền cho những người còn lại. Vai trò của bị cáo trong vụ án cũng rất tích cực nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc và bằng bị cáo H V N.

Bị cáo H V N: Khi được H V N rủ bị cáo không những không can ngăn mà còn đồng ý cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Khi vào rừng cưa gỗ bị cáo sử dụng cưa lóc để cưa đổ cây và xẻ gỗ thành hộp và sử dụng trâu của gia đình mình để kéo gỗ ra khỏi rừng. Với hành vi như trên bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ mà bị cáo đã thực hiện và thấp hơn các bị cáo H V N, P V H.

Bị cáo N V N, mặc dù biết việc khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật nhưng khi được bị cáo Hội rủ bị cáo vẫn đồng ý tham gia. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo sử dụng cưa lóc để cưa đổ cây và xẻ gỗ thành hộp. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi bị cáo đã thực hiện và bằng với bị cáo H V N.

Đối với bị cáo H V L: Khi được H V N rủ cùng tham gia khai thác rừng trái phép bị cáo cũng đã đồng ý cùng thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, xét thấy vai trò của bị cáo trong vụ án là ít nghiêm trọng nhất, chỉ tham gia cắt hạ 05 cây trong tổng số 06 cây mà các bị cáo đã khai thác trái phép. Do đó, cần mức áp dụng hình phạt nhẹ so với các bị cáo khác.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và tự nguyện bồi thường thiệt hại và được nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt; đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có; Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên khả năng nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Riêng bị cáo H V L quá trình sống và làm việc đã được Ủy ban nhân dân xã C Y tặng giấy khen vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ y tế cơ sở ở

địa phương. Vì vậy, cần áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho tất cả các bị cáo và áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo H V L để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Xét quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo H V N, N V N đề nghị áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, m khoản 1 Điều 51 và Điều 54 đối với các bị cáo H V N, N V N thì thấy: Mặc dù, các bị cáo là phạm tội lần đầu nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc khoản 2 Điều 232 BLHS là tội nghiêm trọng. Ngoài ra, mặc dù các bị cáo sinh sống tại vùng có kinh tế đặc biệt khó khăn nhưng các bị cáo đều biết chữ, Nhà nước đều có các chính sách hỗ trợ, các chương trình tuyên truyền pháp luật đến đồng bào vùng sâu, vùng xa nên hành vi phạm tội của các bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội do lạc hậu. Do đó, HĐXX không chấp nhận quan điểm của người bào chữa.

Xét quan điểm của người bào chữa cho bị cáo H V L đề nghị áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, t khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo Lầm, thì thấy: Mặc dù, bị cáo là phạm tội lần đầu nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc khoản 2 Điều 232 BLHS là tội nghiêm trọng. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Lầm không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bằng các biện pháp nghiệp vụ của Cơ quan điều tra đã đấu tranh, sau đó bị cáo Lầm mới thừa nhận hành vi phạm tội của mình do đó đề nghị nêu trên của người bào chữa là không có căn cứ.

Xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định rõ ràng và các bị cáo nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để các bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với các bị cáo. Vì vậy, HĐXX áp dụng Điều 65 BLHS cho các bị cáo H V N, P V H, H V N, N V N được hưởng án treo.

Xét thấy hành vi của bị cáo Lầm là ít nghiêm trọng nhất so với các bị cáo còn lại, thuộc diện hộ nghèo, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên cần áp dụng Điều 36 BLHS xử phạt bị cáo H V L hình phạt cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về các biện pháp tư pháp:

[4.1] Về trách nhiệm dân sự:

Chấp nhận việc các bị cáo H V N, P V H, H V N, N V N và H V L đã tự nguyện bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp E tổng số tiền 91.828.400 đồng.

[4.2] Về xử lý vật chứng:

- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 16.000.000 đồng do các bị cáo phạm tội mà có.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 cưa lốc nhãn hiệu STIHL MS381 màu cam trắng đời máy 2014 (đã qua sử dụng); 01 cưa lốc nhãn hiệu STIHL MS381 màu cam trắng đời máy 2011 (đã qua sử dụng); 02 lam cưa lốc bằng kim loại màu đen; 02 sợi xích (sợi sên) cưa lốc; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model TA1114 (đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong) của H V N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model TA1010 (đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong) của P V H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model TA1034 (đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong) của H V N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen, model Oppo R1007 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu hồng modelvSM G532G/DS (đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong) của N V N.

- Đối với các tài liệu, đồ vật thu giữ được tại nhà N T T 04 quyền vở học sinh có chữ ký của ông Tuyền ở tất cả các trang (không mô tả chi tiết nội dung bên trong); 01 tờ giấy học sinh kẻ ô ly có chữ ký của ông N T T; 01 quyển sổ màu đỏ, giấy kẻ ngang có chữ ký của ông N T T ở tất cả các trang (không mô tả chi tiết nội dung bên trong) được lưu trong hồ sơ vụ án. Do các tài liệu đồ vật trên đều không còn giá trị sử dụng đối với ông Tuyền nên không cần thiết trả lại mà tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

- Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp E 27,584 m³ gỗ do 05 bị cáo H V N, P V H, H V N, N V N, H V L khai thác trái phép theo Quyết định xử lý vật chứng số 1112/QĐ-CSKT ngày 03/4/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk (BL107) và Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 10/4/2020 (BL108);

[5] Đối với các vật chứng còn lại xử lý theo quy định của pháp luật

Chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số 1112/QĐ-CSKT ngày 03/4/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk (BL107) về việc xử lý 268,505 m³ chưa xác định được người khai thác trái phép (hiện đang được Công ty Lâm nghiệp E quản lý, bảo quản theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 10/4/2020 (BL108).

[6] Hành vi của một số cá nhân liên quan:

Đối với L V T và N T T: Quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Toà án đã có Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ xung số 13 ngày 09/7/2020 yêu cầu xác minh, điều tra, làm rõ 02 đối tượng này có đồng phạm với các bị cáo cùng tội danh và với vai trò chủ mưu, cầm đầu nhưng cơ quan điều tra và Viện kiểm sát chưa làm rõ được. Tại phiên toà, các bị cáo tiếp tục khai được L V T và N T T thuê đi khai thác gỗ, trả công bằng tiền sau đó lấy gỗ ở bìa rừng... Do vậy cần kiến nghị tiếp tục xác minh, điều tra, làm rõ 02 đối tượng này có đồng phạm với các bị cáo cùng tội danh và với vai trò chủ mưu, cầm đầu hay không?

Đối với khối lượng gỗ bị khai thác trái phép là 34,429 m³ gỗ quy tròn từ Nhóm IV - VII, thuộc Lô 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, Khoảnh 2, Tiểu khu 779, thuộc lâm phần Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp M quản lý, địa giới hành chính thuộc xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Xác định loại rừng: Rừng tự nhiên thường xanh, được quy hoạch là rừng Sản xuất. Kết luận định giá tài sản số 3211 ngày 11/12/2019 của Hội đồng Định giá tài sản tỉnh Đắk Lắk xác định số lượng gỗ nêu trên trị giá 156.596.300 đồng. Nội dung nêu trên có dấu hiệu tội phạm Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, theo quy định tại Điều 232 Bộ luật Hình sự; xảy ra tại huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk chuyển hồ sơ, tài liệu về nội dung nêu trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M để tiến hành kiểm tra, xác minh, xử lý theo thẩm quyền là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với số lượng 268,505 m³ gỗ các loại trị giá 1.075.498.000 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi tám ngàn) bị khai thác trái phép tại Tiểu khu 686 và 692, xã C Y, huyện E, hiện chưa xác định được cá nhân khai thác trái phép, có dấu hiệu Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản quy định tại Điều 232 Bộ luật Hình sự và trách nhiệm trực tiếp liên quan đến Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc phụ trách công tác Quản lý bảo vệ rừng, các cá nhân có trách nhiệm thuộc Phòng Kỹ thuật - Quản lý bảo vệ rừng và các Phân trường có rừng tự nhiên được giao quản lý bị xâm hại. Nhưng do thời hạn điều tra bổ sung vụ án đã hết, mà không thể hoàn thành việc điều tra đối với tất cả các hành vi phạm tội; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk căn cứ quy định tại Khoản 2, Điều 170 Bộ luật Tố tụng hình sự, ra Quyết định tách vụ án hình sự số 1114 ngày 03/4/2020, đối với vụ án: Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản; Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, quy định tại Điều 232 và 360 Bộ luật Hình sự để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Các bị cáo thuộc diện hộ nghèo và sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh:

Tuyên bố: Các bị cáo H V N, P V H, H V N, N V N và H V L phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo **H V N 02** (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **P V H 02** (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **H V N 02** (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **N V N 02** (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo **H V N**, **P V H**, **H V N**, **N V N** cho UBND xã **C Y**, huyện **E**, tỉnh **Đắk Lắk** là nơi các bị cáo thường trú giám sát và giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 232; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo **H V L 01** (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/12/2019 đến ngày 04/4/2020 và được miễn khấu trừ thu nhập.

Giao bị cáo **H V L** cho UBND xã **C Y**, huyện **E**, tỉnh **Đắk Lắk** giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo **H V L** có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[3] Về xử lý vật chứng:

- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 16.000.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có. Trong đó: Bị cáo **H V N** và **H V N** mỗi bị cáo 3.500.000 đồng; Các bị cáo **P V H**, **N V N**, và **H V L** mỗi bị cáo 3.000.000 đồng. (Các bị cáo đã nộp đủ số tiền nêu trên theo các biên lai thu tại Cục thi hành án dân sự tỉnh **Đắk Lắk**: Biên lai thu số **AA/2018/0001754** ngày 19/5/2020 - bị cáo **H V L** nộp 3.000.000 đồng; Biên lai thu số **AA/2018/0002559** ngày 27/11/2020 - bà **Nông Thị Sế** nộp thay **H V N** 3.500.000 đồng; Biên lai thu số **AA/2018/0002560** ngày 27/11/2020 - bà **Nông Thị Sế** nộp thay **H V N** 3.500.000 đồng; Biên lai thu số **AA/2018/0002561** ngày 27/11/2020 - bà **Nông Thị Sế** nộp thay **N V N** 3.000.000 đồng; Biên lai thu số **AA/2018/0002562** ngày 27/11/2020 - bà **Nông Thị Sế** nộp thay **P V H** 3.000.000 đồng);

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 cưa lốc nhãn hiệu **STIHL MS381** màu cam trắng đời máy 2014 (đã qua sử dụng); 01 cưa lốc nhãn hiệu **STIHL MS381**

màu cam trắng đời máy 2011 (đã qua sử dụng); 02 lam cửa lóc bằng kim loại màu đen; 02 sợi xích (sợi sên) cửa lóc; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model TA1114 (đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong) của H V N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model TA1010 (đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong) của P V H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model TA1034 (đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong) của H V N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen, model Oppo R1007 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu hồng modelvSM G532G/DS (đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong) của N V N.

(Đặc điểm cụ thể của vật chứng kèm theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/5/2020 giữa Công an tỉnh Đắk Lắk và Cục THADS tỉnh Đắk Lắk – Các vật chứng còn lại trong Biên bản này sẽ được xử lý khi giải quyết vụ án sau -Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng);

- Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Công ty Lâm nghiệp E 27,584 m³ gỗ do các bị cáo khai thác trái phép theo Quyết định xử lý vật chứng số 1112/QĐ-CSKT ngày 03/4/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk (BL107) và Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 10/4/2020 (BL108);

[4] Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp E tổng số tiền 91.828.400 đồng, chia theo phần, mỗi bị cáo bồi thường 18.365.680 đồng (đã thu và bồi thường xong theo Phiếu thu số 112 ngày 19/11/2020 của Công ty lâm nghiệp E).

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Kiến nghị Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ hành vi vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản đối với các đối tượng L V T và N T T trong vụ án này có đồng phạm với các bị cáo với vai trò chủ mưu, cầm đầu hay không?

Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

- Sở tư pháp;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- CQ THAHS CA tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Duy Phương